



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12545.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Phan Văn Phước, ấp Long Trị, xã Long Đức (TCN Long Trị)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	0,0011	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	29,58	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,88	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	20,0	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	15,0	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12545.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,266	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM





Số: 011965/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12529.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Văn Sơn, ấp Tất Vinh, xã Đại Phúc (TCN Đại Phúc)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0010	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	59,69	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	5,17	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	29,8	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	13,8	µg/l

Mã số mẫu: 12529.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,310	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12530.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Hồ Quốc Hưng, ấp Đon, xã Nhị Long (TCN Nhị Long)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	37,07	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	5,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	8,31	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	11,3	µg/l

Mã số mẫu: 12530.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,221	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011967/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12531.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Văn Cường, ấp Phú Phong III, xã Bình Phú (TCN Phú Phong III)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,075	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0016	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	125,37	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	9,44	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	15,6	µg/l

Mã số mẫu: 12531.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,285	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**28-05-2025**..

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 0 1 19 6 8 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12532.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Chí In, ấp Nguyệt Lăng B, xã Bình Phú (TCN Bình Phú)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,074	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	121,77	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,67	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	25,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,0	µg/l

Mã số mẫu: 12532.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,290	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011969/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12533.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Văn Khiêm, ấp Bình Hội, xã Huyền Hội (TCN Huyền Hội)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	0,164	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	91,80	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	5,12	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12533.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,276	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **011970** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12534.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Hồng, ấp Đầu Giồng, xã Phương Thạnh (TCN Phương Thạnh)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	< 0,0005	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,109	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	49,64	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	36,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	10,1	µg/l

Mã số mẫu: 12534.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,219	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM


TS. Phan Long Hồ



Số: **011971**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12535.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Đinh Thị Hạnh, ấp Trà Gút, xã Đại Phước (TCN liên xã Đại Phước - Long Đức)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0010	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	75,05	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	26,4	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l

Mã số mẫu: 12535.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	6,01	$\mu\text{g/l}$
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,289	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 0 1 19 7 2 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12536.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Đào, ấp Hạ, xã Đại Phước (TCN Bãi Xan)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0011	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,067	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	123,05	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	3,11	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	91,5	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	18,0	µg/l

Mã số mẫu: 12536.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,331	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011973 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12537.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Văn Nho, ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ (NMN Đức Mỹ)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0017	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	48,07	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	4,64	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	31,8	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,9	µg/l

Mã số mẫu: 12537.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,196	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12538.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, khóm 1, thị trấn Càng Long (NMN thị trấn Càng Long)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0010	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	33,95	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	9,89	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,8	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12538.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	15,7	$\mu\text{g/l}$
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,217	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **0 1 1975** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12539.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị A, ấp Số 4, xã Mỹ Cẩm (TCN Số 4, Mỹ Cẩm)
Tên-mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	37,87	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	11,6	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	10,4	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	2,95	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	17,4	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12539.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,285	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

**TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



TS. Phan Long Hồ



Số: 011976/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12540.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Kim Hồng, ấp Tân An Chợ, xã Tân An (TCN Tân An)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,066	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	118,87	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,69	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	26,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,5	µg/l

Mã số mẫu: 12540.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,338	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**2.8.-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số:

011977

/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12541.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Phan Thị Thu Hồng, ấp An Định Giồng, xã Tân Bình (TCN Tân Bình)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,064	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	117,47	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,14	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	24,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	15,3	µg/l

Mã số mẫu: 12541.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,359	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011978/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12542.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại Trường mầm non Bé Ngoan, ấp 6, xã An Trường (NMN An Trường)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	27,08	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,47	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	18,8	µg/l

Mã số mẫu: 12542.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,259	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12543.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Tạ Thị Ngọc Diệu, ấp 9B, xã An Trường A (TCN An Trường A)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	27,12	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,19	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,9	µg/l

Mã số mẫu: 12543.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,211	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **011980** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12544.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Văn Bảy, khóm 9, TT. Càng Long (NMN Nhị Long Phú)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0011	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	29,97	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,18	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	17,4	µg/l

Mã số mẫu: 12544.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,198	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ